XÂY DỰNG LUẬT THUẾ CÁC-BON - KINH NGHIỆM SINGAPORE VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

■ ThS. TRẦN LINH HUÂN*
& ThS. TRẦN MINH CHƯƠNG** & ThS. PHẠM THỊ HỒNG TÂM***

Tóm tắt: *Thuế các-bon là một công cụ tài chính quan trọng nhằm giảm phát thải khí nhà kính bằng cách định giá lượng khí CO_2 thải ra môi trường. Việc áp dụng thuế này không chỉ giúp kiểm soát ô nhiễm mà còn tạo nguồn thu để đầu tư vào các giải pháp phát triển bền vững. Trong bối cảnh đã có nhiều quốc gia xây dựng, ban hành và áp dụng thuế các-bon, Việt Nam cần cân nhắc xây dựng khung pháp lý phù hợp cho việc áp dụng thuế các-bon trong nước. Singapore là một trong những quốc gia đi đầu ở Đông Nam Á trong xây dựng, áp dụng pháp luật về thuế các-bon với nhiều điểm nổi bật mà Việt Nam có thể tham khảo, tiếp thu có chọn lọc, phù hợp với thực tế của Việt nam. Xuất phát từ đó, bài viết làm rõ một số kinh nghiệm nổi bật của Singapore về xây dựng Luật thuế các-bon, từ đó, đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam.*

Từ khóa: Thuế các-bon; xây dựng luật; kinh nghiệm; khuyến nghị, Singapore; Việt Nam.
Nhận bài: 20/3/2025 Hoàn thành biên tập: 09/4/2025 Duyệt đăng: 16/4/2025

DRAFTING A CARBON TAX LAW - SINGAPORE EXPERIENCE AND SOME RECOMMENDATIONS FOR VIETNAM

Abstract: *Carbon tax is an important financial tool to reduce greenhouse gas emissions by pricing the amount of CO_2 emitted into the environment. Applying this tax not only helps control pollution but also generates revenue to invest in sustainable development solutions. In the context that many countries have built, issued and applied carbon tax, Vietnam also needs to consider building a suitable legal framework for applying carbon tax domestically. Singapore is one of the leading countries in Southeast Asia in building and applying carbon tax laws with many outstanding points that Vietnam can learn from. Based on that, the article clarifies some of Singapore's outstanding experiences in drafting the Carbon Tax Law, from which, it makes some recommendations for Vietnam.*

Keywords: Carbon tax; law making; experience; recommendations, Singapore; Vietnam.
Article received: 20/3/2025 Editing completed: 09/4/2025 Approved for publication: 16/4/2025

Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu đang đặt ra những thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững, đòi hỏi các quốc gia phải triển khai các chính sách kiểm soát phát thải khí nhà kính một cách hiệu quả. Thuế các-bon được xem là một trong những giải pháp quan trọng nhằm điều chỉnh hành vi phát thải, giúp định hướng nền kinh tế theo hướng xanh và bền vững. Nhiều quốc gia đã áp dụng chính sách này, trong đó Singapore là một quốc gia điển hình tại Đông Nam Á với

* Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
** Khoa Luật, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
*** Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Phan Thiết

mô hình thuế các-bon được thiết lập bài bản và có lộ trình điều chỉnh rõ ràng. Tại Hội nghị Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26), Việt Nam đã cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050[1], điều này tạo áp lực phải đẩy mạnh các chính sách tài chính và môi trường để hiện thực hóa mục tiêu này. Mặc dù, Việt Nam đã có các công cụ tài chính điều chỉnh hành vi phát thải như thuế bảo vệ môi trường nhưng vẫn chưa có hệ thống thuế các-bon hoàn chỉnh, điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về xây dựng khung pháp lý phù hợp. Chính vì vậy, việc nghiên cứu mô hình thuế các-bon theo pháp luật Singapore, để từ đó rút ra kinh nghiệm và đề xuất những khuyến nghị phù hợp cho Việt Nam trong quá trình xây dựng khung pháp lý về thuế các-bon là điều rất quan trọng, cấp thiết trong bối cảnh hiện nay, góp phần hướng tới phát triển bền vững và thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải.

1. Sự cần thiết xây dựng Luật Thuế các-bon tại Việt Nam

Việc xây dựng Luật Thuế các-bon tại Việt Nam đóng vai trò quan trọng và cần thiết, điều này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Một là, bảo đảm thực hiện cam kết đạt phát thải ròng bằng 0. Việc xây dựng Luật Thuế các-bon đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm Việt Nam thực hiện cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, phù hợp với Thỏa thuận Paris và các cam kết tại COP26. Bằng cách áp dụng thuế các-bon, Nhà nước có thể điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp và cá nhân, khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, cải tiến công nghệ sản xuất và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, giúp kiểm soát lượng phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon trong dài hạn. Bên cạnh đó, thuế các-bon còn tạo động lực cho sự phát triển của các ngành công nghiệp xanh, hỗ trợ tài chính cho các dự án giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh Việt Nam đang chịu tác động nặng nề từ biến đổi khí hậu, đặc biệt, các hiện tượng nước biển dâng, xâm nhập mặn và thời tiết cực đoan, việc ban hành Luật Thuế các-bon không chỉ là bước đi chiến lược mà còn là yêu cầu cấp thiết để hiện thực hóa lộ trình giảm phát thải, bảo đảm phát triển bền vững và nâng cao vị thế của Việt Nam trong hợp tác khí hậu quốc tế.

Hai là, đóng góp vào nguồn thu ngân sách quốc gia. Việc xây dựng Luật Thuế các-bon đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nguồn thu ngân sách quốc gia ổn định, góp phần bảo đảm tài chính cho các chiến lược phát triển bền vững. Trong bối cảnh Việt Nam cần đầu tư lớn vào các dự án giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu, thuế các-bon trở thành một giải pháp tài chính hữu hiệu để huy động nguồn lực mà không tạo áp lực lớn lên ngân sách nhà nước. Khoản thu từ nguồn thuế này có thể được sử dụng để hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo, nâng cấp hạ tầng xanh, thúc đẩy nghiên cứu công nghệ sạch và trợ cấp cho doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển ít các-bon.

Đặc biệt, trong giai đoạn nguồn thu từ khai thác nhiên liệu hóa thạch đang suy giảm do xu hướng chuyển đổi năng lượng toàn cầu, thuế các-bon sẽ giúp duy trì sự cân bằng tài chính quốc gia, bảo đảm nguồn thu bền vững cho tương lai.

---

1. Thu Cúc, *"Việt Nam tích cực, chủ động triển khai bài bản các cam kết tại COP26"*, https://baochinhphu.vn/viet-nam-tich-cuc-chu-dong-trien-khai-bai-ban-cac-cam-ket-tai-cop26-102231124211547625.htm, truy cập ngày 24/02/2025.

Ba là, thúc đẩy công bằng xã hội. Việc xây dựng Luật Thuế các-bon đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm công bằng xã hội bằng cách áp dụng nguyên tắc "người gây ô nhiễm phải trả tiền", phân bổ trách nhiệm phát thải một cách hợp lý giữa các doanh nghiệp và cá nhân. Thuế các-bon giúp điều chỉnh hành vi của các ngành có mức phát thải cao, buộc họ phải chịu chi phí môi trường tương xứng, đồng thời tạo ra nguồn tài chính để hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Khoản thu từ thuế có thể được sử dụng để tài trợ cho các chương trình trợ cấp năng lượng sạch, hỗ trợ sinh kế bền vững cho người lao động trong các ngành bị ảnh hưởng và đầu tư vào các dự án giảm thiểu tác động môi trường tại các khu vực chịu nhiều rủi ro. Ngoài ra, thuế các-bon còn giúp giảm bất bình đẳng về môi trường khi góp phần kiểm soát ô nhiễm không khí, cải thiện chất lượng sống của người dân, đặc biệt, là các cộng đồng thu nhập thấp thường chịu ảnh hưởng nặng nề hơn từ các vấn đề môi trường. Bên cạnh đó, chính sách thuế này cũng tạo động lực thúc đẩy việc làm trong các ngành công nghiệp xanh, mở ra cơ hội mới cho người lao động trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế theo hướng phát thải thấp.

Bốn là, tăng cường năng lực cạnh tranh. Việc xây dựng Luật Thuế các-bon không chỉ giúp Việt Nam kiểm soát phát thải mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Trước xu hướng toàn cầu hóa và các yêu cầu khắt khe về phát triển bền vững, nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên minh châu Âu, đang áp dụng các biện pháp điều chỉnh thuế quan đối với các sản phẩm có lượng phát thải các-bon cao, điển hình là Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM). Nếu không có một hệ thống thuế các-bon phù hợp, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam có nguy cơ đối mặt với các rào cản thương mại nghiêm ngặt, làm suy giảm lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, thuế các-bon còn thúc đẩy doanh nghiệp trong nước chuyển đổi sang mô hình sản xuất ít phát thải, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm chi phí dài hạn và tăng cường khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Việc sớm triển khai chính sách thuế này cũng giúp Việt Nam thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp xanh, khi nhiều tập đoàn đa quốc gia đang có xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng sang các quốc gia có chiến lược phát triển bền vững rõ ràng. Ngoài ra, việc áp dụng thuế các-bon sẽ tạo ra động lực đổi mới công nghệ, giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và gia tăng giá trị xuất khẩu, điều này không chỉ giúp Việt Nam duy trì vị thế cạnh tranh trong khu vực mà còn củng cố uy tín trên thị trường toàn cầu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Như vậy, việc xây dựng Luật Thuế các-bon không chỉ là công cụ để kiểm soát phát thải mà còn là giải pháp quan trọng giúp Việt Nam thực hiện cam kết quốc tế, bảo đảm nguồn thu ngân sách, thúc đẩy công bằng xã hội và tăng cường năng lực cạnh tranh trong bối cảnh kinh tế hiện nay.

2. Kinh nghiệm của Singapore về xây dựng Luật Thuế các-bon

Pháp luật Singapore về thuế các-bon có nhiều điểm nổi bật, giúp quốc gia này trở thành một trong những nước tiên phong tại Đông Nam Á trong việc áp dụng chính sách thuế các-bon. Những điểm nổi bật này gồm:

Một là, khung pháp lý về thuế các-bon rõ ràng. Pháp luật Singapore về thuế các-bon được xây dựng trên cơ sở Đạo luật định giá Carbon

(Carbon Pricing Act - CPA) năm 2018, chính thức có hiệu lực từ năm 2019[2]. Đây là khung pháp lý toàn diện, quy định rõ ràng về đối tượng chịu thuế, mức thuế áp dụng, nghĩa vụ báo cáo phát thải và các cơ chế giám sát nhằm bảo đảm tính minh bạch và khả thi trong thực thi chính sách. Đạo luật định giá carbon giúp thiết lập một hệ thống thuế các-bon ổn định, có tính linh hoạt để thích ứng với điều kiện kinh tế và các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Đồng thời, Đạo luật này cũng tạo nền tảng pháp lý vững chắc để doanh nghiệp có thể chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất, cải tiến công nghệ nhằm giảm tác động tài chính do thuế các-bon. Với cách tiếp cận rõ ràng và có lộ trình cụ thể, Singapore đã thành công trong việc triển khai thuế các-bon một cách hiệu quả, đồng thời duy trì được tính cạnh tranh của nền kinh tế. Đây là một mô hình mà Việt Nam có thể tham khảo khi xây dựng Luật Thuế các-bon, nhằm bảo đảm chính sách, không chỉ góp phần giảm phát thải mà còn hỗ trợ sự phát triển bền vững trong dài hạn.

Hai là, mức thuế linh hoạt theo lộ trình rõ ràng. Singapore áp dụng chính sách thuế các-bon với lộ trình tăng dần theo từng giai đoạn, giúp doanh nghiệp có thời gian thích ứng và điều chỉnh chiến lược giảm phát thải một cách hợp lý. Giai đoạn đầu tiên từ năm 2019 đến 2023, mức thuế được đặt ở mức thấp là 5 SGD/tấn CO_2e để giảm thiểu tác động đột ngột đến nền kinh tế. Từ năm 2024, mức thuế tăng lên 25 SGD/tấn CO_2e, sau đó tiếp tục điều chỉnh lên 45 SGD/tấn CO_2e vào giai đoạn 2026-2027 và dự kiến đạt 50-80 SGD/tấn CO_2e vào năm 2030[3]. Cách tiếp cận này không chỉ giúp bảo đảm tính ổn định cho doanh nghiệp mà còn tạo động lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang mô hình sản xuất ít phát thải. Đồng thời, lộ trình tăng thuế rõ ràng cho phép Chính phủ theo dõi và điều chỉnh chính sách phù hợp với tình hình phát triển kinh tế và các cam kết giảm phát thải quốc tế. Việc triển khai thuế các-bon theo lộ trình linh hoạt này giúp Singapore cân bằng giữa mục tiêu bảo vệ môi trường và duy trì tính cạnh tranh của doanh nghiệp, là mô hình mà Việt Nam có thể tham khảo khi xây dựng Luật Thuế các-bon.

Ba là, đối tượng chịu thuế là các cơ sở phát thải lớn. Chính sách thuế các-bon của Singapore tập trung vào các cơ sở có mức phát thải từ 25.000 tấn CO_2e trở lên mỗi năm, chủ yếu thuộc các ngành công nghiệp nặng, năng lượng, hóa chất và xử lý chất thải[4]. Việc xác định ngưỡng phát thải này giúp Singapore kiểm soát các nguồn phát thải lớn một cách hiệu quả mà không tạo gánh nặng tài chính quá mức cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cách tiếp cận này bảo đảm rằng thuế các-bon nhắm vào những đối tượng có tác động môi trường đáng kể, đồng thời cho phép các doanh nghiệp nhỏ có thời gian thích ứng và từng bước cải thiện công nghệ để giảm phát thải. Nhờ đó, Singapore duy trì được sự cân bằng giữa mục tiêu giảm thiểu khí nhà kính và việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

---

2. Singapore Statutes Online, *"Carbon Pricing Act 2018"*, https://sso.agc.gov.sg/Act/CPA2018, truy cập ngày 24/02/2025.

3. National Climate Change Secretariat Singapore, *"Carbon tax"*, https://www.nccs.gov.sg/singapores-climate-action/mitigation-efforts/carbontax/, truy cập ngày 24/02/2025.

4. Đại sứ quán Việt Nam tại Brunei, *"Phát triển thị trường Carbon tại Đông Nam Á và hàm ý chính sách đối với Việt Nam"*, https://ngkt.mofa.gov.vn/phat-trien-thi-truong-carbon-tai-dong-nam-a-va-ham-y-chinh-sach-doi-voi-vietnam/#:~:text=Singapore%20l%C3%A0%20qu%E1%BB%91c%20gia%20ti%C3%AAn,gi%E1%BA%A3i%20ph%C3%A1p%20gi%E1%BA%A3m%20ph%C3%A1t%20th%E1%BA%A3i, truy cập ngày 24/02/2025.

Bốn là, cho phép sử dụng tín chỉ các-bon để bù đắp một phần nghĩa vụ thuế. Chính sách thuế các-bon của Singapore cho phép doanh nghiệp sử dụng tín chỉ các-bon quốc tế chất lượng cao để bù đắp một phần nghĩa vụ thuế, giúp giảm áp lực tài chính và tạo sự linh hoạt trong quá trình thực hiện cam kết giảm phát thải. Cụ thể, từ năm 2024, doanh nghiệp có thể sử dụng tín chỉ các-bon để bù đắp tối đa 5% lượng phát thải chịu thuế, với điều kiện các tín chỉ này phải đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris nhằm bảo đảm tính toàn vẹn môi trường[5]. Việc áp dụng cơ chế này không chỉ giúp doanh nghiệp có thêm lựa chọn trong việc giảm phát thải mà còn thúc đẩy sự phát triển của thị trường các-bon, tạo động lực cho các dự án giảm phát thải khí nhà kính trong và ngoài nước. Nhờ đó, các doanh nghiệp có thể cân bằng giữa việc tuân thủ nghĩa vụ thuế và đầu tư vào các giải pháp bền vững, góp phần nâng cao hiệu quả của chính sách thuế các-bon trong việc kiểm soát lượng khí thải và thúc đẩy nền kinh tế xanh.

Năm là, hệ thống giám sát và báo cáo phát thải chặt chẽ. Singapore áp dụng một hệ thống giám sát và báo cáo phát thải khí nhà kính chặt chẽ nhằm bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi thuế các-bon. Các doanh nghiệp thuộc diện chịu thuế bắt buộc phải báo cáo lượng phát thải hàng năm theo các tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt, giúp Singapore theo dõi tiến độ cắt giảm khí nhà kính và đánh giá tác động của chính sách[6]. Đồng thời, cơ chế giám sát này cũng góp phần ngăn chặn gian lận hoặc kê khai sai lệch, bảo đảm rằng mức thuế các-bon phản ánh đúng lượng phát thải thực tế. Việc triển khai hệ thống kiểm soát hiệu quả không chỉ giúp duy trì tính công bằng giữa các doanh nghiệp mà còn tạo cơ sở dữ liệu quan trọng để điều chỉnh chính sách phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững.

Sáu là, sử dụng nguồn thu từ thuế các-bon để thúc đẩy kinh tế xanh. Singapore sử dụng thuế các-bon như một công cụ quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế xanh thông qua việc tái đầu tư nguồn thu vào các sáng kiến phát triển bền vững. Một phần đáng kể ngân sách từ nguồn thuế này được dành cho các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và phát triển mô hình sản xuất ít phát thải khí nhà kính. Đồng thời, Singapore tập trung đầu tư vào hạ tầng năng lượng tái tạo, khuyến khích sử dụng nguồn điện sạch và mở rộng mạng lưới giao thông bền vững, bao gồm phương tiện công cộng chạy bằng điện hoặc nhiên liệu sạch. Bên cạnh đó, Singapore cũng triển khai các chính sách ưu đãi tài chính để thúc đẩy sự phát triển của thị trường xanh, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn vay với lãi suất ưu đãi khi đầu tư vào các giải pháp giảm phát thải[7]. Việc sử dụng thuế các-bon theo cách này không chỉ góp phần giảm tác động tiêu cực đến môi trường mà còn tạo động lực mạnh mẽ cho sự chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, giúp duy trì tăng trưởng dài hạn trong khi vẫn đáp ứng các cam kết về khí hậu và phát triển bền vững.

Bảy là, kết hợp thuế các-bon với hệ thống định giá

5. V.T, *"Singapore sẽ tăng thuế carbon lên gấp 5 lần vào năm 2024"*, https://nhandan.vn/singapore-se-tang-thue-carbon-len-gap-5-lan-vao-nam-2024-post686387.html, truy cập ngày 24/02/2025.

6. Cẩm Anh, *"Đo lường khí thải carbon: Thị trường tiềm năng mới cho doanh nghiệp"*, https://diendandoanhnghiep.vn/do-luong-khi-thai-carbon-thi-truong-tiem-nang-moi-cho-doanh-nghiep 10132841.html, truy cập ngày 24/02/2025.

7. Setup Company Singapore, *"Thiết lập Doanh nghiệp Năng lượng Tái tạo tại Singapore"*, https://www.setupcompanysingapore.com/blog/thiet-lap-doanh-nghiep-nang-luong-tai-tao-tai singapore/?lang=vi&, truy cập ngày 24/02/2025.

các-bon. Singapore không chỉ áp dụng thuế các-bon mà còn hướng tới việc kết hợp với hệ thống giao dịch phát thải (ETS) nhằm tối ưu hóa các biện pháp định giá các-bon và tạo ra một cơ chế giảm phát thải khí nhà kính linh hoạt hơn cho doanh nghiệp[8]. Việc bổ sung ETS cho phép các doanh nghiệp có thể lựa chọn giữa việc nộp thuế các-bon hoặc mua bán hạn ngạch phát thải trên thị trường các-bon, giúp họ có nhiều phương án hơn để đáp ứng các yêu cầu về giảm phát thải khí nhà kính. Cách tiếp cận này tạo ra động lực kinh tế mạnh mẽ để doanh nghiệp chủ động cắt giảm phát thải khí nhà kính bằng cách đầu tư vào công nghệ sạch hoặc tham gia thị trường các-bon một cách hiệu quả. Đồng thời, việc phát triển ETS giúp Singapore từng bước hòa nhập vào hệ thống giao dịch phát thải toàn cầu, tạo cơ hội hợp tác quốc tế và thu hút đầu tư vào các dự án các-bon thấp. Sự kết hợp giữa thuế các-bon và ETS không chỉ bảo đảm tính linh hoạt trong quản lý phát thải mà còn góp phần xây dựng một nền kinh tế xanh, bền vững và có khả năng cạnh tranh cao trong bối cảnh quốc tế ngày càng chú trọng đến tiêu chuẩn các-bon.

3. Một số khuyến nghị cho Việt Nam

Việt Nam có thể nghiên cứu tiếp thu có chọn lọc nhiều kinh nghiệm quan trọng từ Singapore trong việc xây dựng Luật Thuế các-bon, từ thiết kế chính sách, phương thức triển khai đến cơ chế điều chỉnh nhằm bảo đảm hiệu quả và tính bền vững của hệ thống thuế này. Một số kinh nghiệm Việt Nam có thể nghiên cứu, tham khảo gồm:

Một là, xây dựng khung pháp lý rõ ràng và linh hoạt. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm từ Singapore trong việc xây dựng một khung pháp lý rõ ràng và linh hoạt cho thuế các-bon, nhằm bảo đảm tính hiệu quả và khả năng thích ứng với điều kiện thực tế. Singapore đã ban hành Đạo luật định giá Carbon (Carbon Pricing Act - CPA), tạo nền tảng pháp lý minh bạch để triển khai thuế các-bon, đồng thời, duy trì cơ chế điều chỉnh linh hoạt dựa trên tiến trình giảm phát thải, tác động kinh tế và các cam kết quốc tế, điều này giúp chính sách thuế không bị cứng nhắc mà có thể được cập nhật phù hợp với diễn biến thị trường và mục tiêu phát triển bền vững. Việt Nam có thể áp dụng cách tiếp cận này bằng cách xây dựng luật thuế các-bon với các quy định cho phép điều chỉnh mức thuế định kỳ, phạm vi áp dụng và cơ chế miễn, giảm thuế cho những ngành đang trong quá trình chuyển đổi xanh. Việc thiết lập một khuôn khổ pháp lý rõ ràng nhưng linh hoạt không chỉ giúp tạo sự ổn định cho doanh nghiệp mà còn bảo đảm thuế các-bon phát huy hiệu quả trong dài hạn, góp phần thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Hai là, xây dựng lộ trình thuế các-bon theo từng giai đoạn. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm từ Singapore trong việc xây dựng và triển khai thuế các-bon theo lộ trình từng bước nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của chính sách. Thay vì áp dụng mức thuế cao ngay từ đầu, Singapore đã lựa chọn cách tiếp cận linh hoạt, khởi điểm với mức thuế thấp (5 SGD/tấn CO_2e từ năm 2019), điều này giúp doanh nghiệp có thời gian thích ứng mà không gây ảnh hưởng đột ngột đến hoạt động sản xuất và kinh doanh. Sau đó, mức thuế được điều chỉnh tăng dần

8. Pacific Group, *"Singapore đặt ra tiêu chí đủ điều kiện cho tín dụng carbon có thể được sử dụng để bù đắp thuế carbon"*, https://pcgroup.vn/singapore-sets-eligibility-criteria-for-carbon-credits-that-can-be-used-to-offset-carbon-tax?, truy cập ngày 24/02/2025.

theo từng giai đoạn, đạt 25 SGD vào năm 2024 và dự kiến tăng lên từ 50 đến 80 SGD vào năm 2030[9]. Mô hình này không chỉ tạo áp lực giảm phát thải khí nhà kính mà còn giúp doanh nghiệp có thời gian chuyển đổi công nghệ và mô hình sản xuất theo hướng phát triển bền vững. Nếu Việt Nam áp dụng phương pháp tiếp cận này, có thể hạn chế tác động tiêu cực đến nền kinh tế, đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp chủ động đổi mới để đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường ngày càng cao. Hơn nữa, việc điều chỉnh thuế theo từng giai đoạn còn giúp Chính phủ có thời gian đánh giá tác động thực tế, từ đó điều chỉnh chính sách phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và năng lực thích ứng của doanh nghiệp. Do đó, Việt Nam cần cân nhắc áp dụng thuế các-bon theo lộ trình hợp lý, bắt đầu với mức thuế phù hợp và tăng dần theo kế hoạch rõ ràng, minh bạch. Cách tiếp cận này không chỉ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đối với doanh nghiệp mà còn tạo động lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh, góp phần thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính và hướng tới nền kinh tế các-bon thấp.

Ba là, mở rộng đối tượng chịu thuế và áp dụng mức ngưỡng hợp lý. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm từ Singapore trong việc xác định đối tượng chịu thuế các-bon và áp dụng mức ngưỡng hợp lý để bảo đảm tính hiệu quả của chính sách mà không gây áp lực quá mức lên doanh nghiệp. Singapore chỉ áp dụng thuế các-bon đối với các cơ sở có mức phát thải trên 25.000 tấn CO_2e mỗi năm, tập trung vào các ngành có tác động lớn đến môi trường trong khi vẫn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thích nghi dần với quá trình giảm phát thải[10]. Cách tiếp cận này giúp chính sách thuế vừa đạt được mục tiêu kiểm soát khí thải, vừa hạn chế những tác động tiêu cực đối với nền kinh tế. Việt Nam có thể cân nhắc thiết lập một ngưỡng phát thải hợp lý khi triển khai thuế các-bon, ưu tiên áp dụng trước cho các doanh nghiệp có lượng phát thải lớn, đồng thời xây dựng lộ trình hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ trong việc cải tiến công nghệ và giảm phát thải dần theo thời gian. Việc này không chỉ giúp nâng cao tính khả thi của chính sách mà còn bảo đảm sự công bằng giữa các nhóm doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh một cách bền vững.

Bốn là, cho phép sử dụng tín chỉ các-bon chất lượng cao để bù đắp phát thải. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm từ Singapore trong việc cho phép doanh nghiệp sử dụng tín chỉ các-bon quốc tế chất lượng cao để bù đắp một phần lượng phát thải phải chịu thuế, giúp họ có thêm lựa chọn trong quá trình tuân thủ chính sách. Tại Singapore, từ năm 2024, các doanh nghiệp có thể sử dụng tín chỉ các-bon để bù đắp tối đa 5% lượng phát thải[11], qua đó giảm bớt gánh nặng tài chính và tạo động lực thúc đẩy thị trường tín chỉ các-bon phát triển. Cơ chế này không chỉ giúp doanh nghiệp có thêm sự linh hoạt trong chiến lược giảm phát thải mà còn thúc đẩy các dự án giảm các-bon trong và ngoài nước. Việt Nam có thể áp dụng mô hình tương tự bằng cách thiết lập các tiêu chí rõ ràng đối với tín chỉ các-bon, bảo đảm tính minh bạch và chất lượng cao của các dự án bù đắp phát thải. Việc này không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí tuân thủ mà còn góp phần xây dựng một thị trường các-bon lành mạnh, giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo cam kết quốc tế.

9. National Climate Change Secretariat Singapore, *tlđd*.
10. Đại sứ quán Việt Nam tại Brunei, *tlđd*.
11. V.T, *tlđd*.

Năm là, chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật và cơ chế giám sát chặt chẽ. Khi tiến hành xây dựng Luật Thuế các-bon, Việt Nam cần đặc biệt chú trọng đến việc chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật và cơ chế giám sát nhằm bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi chính sách. Kinh nghiệm từ Singapore cho thấy, việc áp dụng thuế các-bon đòi hỏi hệ thống kiểm kê phát thải chính xác, giúp xác định rõ đối tượng chịu thuế và bảo đảm doanh nghiệp tuân thủ nghĩa vụ tài chính. Singapore đã thiết lập các quy định nghiêm ngặt về báo cáo khí nhà kính, yêu cầu doanh nghiệp phát thải cao phải cung cấp dữ liệu chi tiết theo các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời áp dụng công nghệ đo lường hiện đại để kiểm soát lượng phát thải thực tế. Việt Nam có thể tham khảo cách tiếp cận này bằng cách xây dựng một hệ thống giám sát phát thải chặt chẽ, kết hợp giữa kiểm tra định kỳ và báo cáo tự động nhằm hạn chế gian lận, tối ưu hóa việc thu thuế và bảo đảm công bằng giữa các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần đầu tư phát triển cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính, liên kết với hệ thống thuế để tạo thuận lợi cho quá trình kê khai và thực thi chính sách. Việc thiết lập một cơ chế giám sát đáng tin cậy không chỉ giúp thuế các-bon phát huy tối đa hiệu quả mà còn tạo nền tảng cho Việt Nam tham gia sâu hơn vào các cơ chế định giá các-bon toàn cầu, nâng cao uy tín trong thực hiện các cam kết giảm phát thải khí nhà kính quốc tế.

Sáu là, định hướng thuế các-bon như một công cụ thúc đẩy chuyển đổi xanh. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm từ Singapore trong việc định hướng thuế các-bon như một công cụ thúc đẩy chuyển đổi xanh thay vì chỉ coi đây là một nguồn thu ngân sách đơn thuần. Singapore đã sử dụng thuế các-bon để tạo động lực cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu suất năng lượng và đầu tư vào các giải pháp sản xuất thân thiện với môi trường. Một phần nguồn thu từ thuế được tái đầu tư vào các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi, giúp họ tiếp cận công nghệ sạch, giảm chi phí tuân thủ và duy trì năng lực cạnh tranh. Mô hình này không chỉ giúp giảm gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp mà còn bảo đảm tính bền vững lâu dài của chính sách. Việt Nam có thể áp dụng cách tiếp cận này bằng cách xây dựng cơ chế thuế các-bon kết hợp với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp có mức phát thải cao, nhằm khuyến khích quá trình chuyển đổi xanh diễn ra một cách hiệu quả và công bằng, điều này không chỉ giúp đạt được mục tiêu giảm phát thải mà còn góp phần phát triển nền kinh tế theo hướng bền vững, nâng cao vị thế cạnh tranh của Việt Nam trong khu vực và trên thị trường quốc tế.

Bảy là, hỗ trợ doanh nghiệp và bảo đảm công bằng xã hội. Trong quá trình xây dựng Luật Thuế các-bon, Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm từ Singapore trong việc kết hợp chính sách thuế với các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp và bảo đảm công bằng xã hội. Việc áp dụng thuế các-bon có thể làm tăng chi phí sản xuất, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có mức phát thải cao, nếu không có cơ chế hỗ trợ phù hợp, có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và tốc độ chuyển đổi xanh. Singapore đã giải quyết vấn đề này bằng cách triển khai các quỹ đổi mới công nghệ, cung cấp ưu đãi tài chính và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ sạch nhằm giúp họ giảm phát thải mà không làm gia tăng áp lực tài chính. Ngoài ra, Singapore cũng có các chính sách bảo vệ nhóm thu nhập thấp khỏi tác động của việc tăng giá năng lượng do thuế các-bon, giúp bảo đảm sự công bằng trong quá trình thực hiện chính sách. Việt Nam có thể áp dụng cách tiếp cận này bằng cách sử dụng một phần nguồn thu từ thuế các-bon để đầu tư vào các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và hộ gia đình dễ bị tổn thương,

đồng thời khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo. Điều này không chỉ giúp tăng tính khả thi của chính sách thuế các-bon mà còn bảo đảm quá trình chuyển đổi xanh diễn ra công bằng, hiệu quả và bền vững.

Kết luận

Việc xây dựng Luật Thuế các-bon tại Việt Nam là một bước đi quan trọng nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính. Kinh nghiệm từ Singapore cho thấy, một chính sách thuế các-bon hiệu quả cần có khung pháp lý minh bạch, lộ trình thực hiện phù hợp, cơ chế giám sát chặt chẽ và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để cân bằng giữa mục tiêu giảm phát thải và phát triển kinh tế. Từ thực tiễn của Singapore, Việt Nam có thể tham khảo một số giải pháp quan trọng như thiết lập lộ trình điều chỉnh mức thuế theo từng giai đoạn, áp dụng cơ chế tín chỉ các-bon nhằm tăng tính linh hoạt, mở rộng đối tượng chịu thuế một cách hợp lý và sử dụng nguồn thu để đầu tư vào năng lượng tái tạo, công nghệ sạch. Đồng thời, cần xây dựng hệ thống giám sát phát thải minh bạch, giúp bảo đảm chính sách thuế các-bon không chỉ là công cụ quản lý môi trường mà còn tạo động lực cho đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Như vậy, nếu được thực hiện một cách bài bản, thuế các-bon không chỉ giúp Việt Nam kiểm soát khí thải mà còn góp phần thúc đẩy tăng trưởng bền vững, nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu, hướng tới một tương lai phát triển xanh và bền vững ❑

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cẩm Anh, *"Đo lường khí thải carbon: Thị trường tiềm năng mới cho doanh nghiệp"*, https://diendandoanhnghiep.vn/do-luong-khi-thai-carbon-thi-truong-tiem-nang-moi-cho-doanh-nghiep-10132841.html, truy cập ngày 24/02/2025.

2. Đại sứ quán Việt Nam tại Brunei, *"Phát triển thị trường Carbon tại Đông Nam Á và hàm ý chính sách đối với Việt Nam"*, https://ngkt.mofa.gov.vn/phat-trien-thi-truong-carbon-tai-dong-nam-a-va-ham-y-chinh-sach-doi-voi-vietnam/#:~:text=Singapore%20l%C3%A0%20qu%E1%BB%91c%20gia%20ti%C3%AAn,gi%E1%BA%A3i%20ph%C3%A1p%20gi%E1%BA%A3m%20ph%C3%A1t%20th%E1%BA%A3i, truy cập ngày 24/02/2025.

3. National Climate Change Secretariat Singapore, *"Carbon tax"*, https://www.nccs.gov.sg/singapores-climate-action/mitigation-efforts/carbontax/, truy cập ngày 24/02/2025.

4. Pacific Group, *"Singapore đặt ra tiêu chí đủ điều kiện cho tín dụng carbon có thể được sử dụng để bù đắp thuế carbon"*, https://pcgroup.vn/singapore-sets-eligibility-criteria-for-carbon-credits-that-can-be-used-to-offset-carbon-tax?, truy cập ngày 24/02/2025.

5. Setup Company Singapore, *"Thiết lập Doanh nghiệp Năng lượng Tái tạo tại Singapore"*,https://www.setupcompanysingapore.com/blog/thiet-lap-doanh-nghiep-nang-luong-tai-tao-tai-singapore/?lang=vi&, truy cập ngày 24/02/2025.

6. Singapore Statutes Online, *"Carbon Pricing Act 2018",* https://sso.agc.gov.sg/Act/CPA2018, truy cập ngày 24/02/2025.

7. Thu Cúc, *"Việt Nam tích cực, chủ động triển khai bài bản các cam kết tại COP26"*, https://baochinhphu.vn/viet-nam-tich-cuc-chu-dong-trien-khai-bai-ban-cac-cam-ket-tai-cop26-102231124211547625.htm, truy cập ngày 24/02/2025.

8. V.T, *"Singapore sẽ tăng thuế carbon lên gấp 5 lần vào năm 2024"*, https://nhandan.vn/singapore-se-tang-thue-carbon-len-gap-5-lan-vao-nam-2024-post686387.html, truy cập ngày 24/02/2025.